TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN BÀN
TỈNH LÀO CAI
Bản án số: 16/2025/ HNGĐ - ST
Ngày 23 tháng 5 năm 2025.
Về việc: " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN, TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lựa
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hồ Trọng Trung.
2. Ông Hoàng Văn Thứ.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nông Thị Mới - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2025/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2025/QĐXX ST- HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lương Thị L, sinh năm 1991.
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn NC, xã N D, huyện V B, tỉnh LC. Vắng mặt có lý do.

Bị đơn: Anh Nông Văn Ch, sinh năm 1988.
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn NC, xã N D, huyện V B, tỉnh LC. Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai và tài liệu, chứng cứ kèm theo của chị Lương Thị L trình bày, có yêu cầu: Chị và anh Nông Văn Ch có tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 11/12/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Nậm Dạng, huyện Văn Bàn. Vợ chồng hạnh phúc được khoảng10 năm đến đầu năm 2019 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng trong quan điểm trong cuộc sống, không còn tin tưởng tình cảm của nhau, mất niềm tin trong cuộc sống cả hai đều cho nhau nhiều cơ hội nhưng cả chị và anh Ch vẫn giữ nguyên phong cách sống, rồi điều qua tiếng lại, chửi mắng chị. Mâu thuẫn giữa chị và anh Ch đã bị rạn nứt, không có cách nào hàn gắn tình cảm, gay gắt vào tháng 9/2024 chị và anh Ch tự sống ly thân, bỏ mặc không còn quan tâm tính đến nay khoảng 08 tháng nên chị không có thai với anh Ch. Nay chị xác định, tình cảm vợ chồng không còn cách nào hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu không được Tòa chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị, chị tiếp tục sống ly thân, nhất định không đoàn tụ vợ chồng với anh Ch. Chị đề nghị đ□ợc ly hôn với anh Nông Văn Ch.

Về con: Chị L xác định, có 02 con chung là cháu Nông Thành Luân, sinh ngày 29/9/2010; cháu Nông Tiêu Chuẩn, sinh ngày 13/3/2015. Hiện cháu Luân, cháu Chuẩn đang sống cùng anh Ch. Nay chị đề nghị tiếp tục giao cháu Luân, cháu Chuẩn cho anh Ch trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cùng anh Ch nuôi cháu Chuẩn mỗi tháng 2.000.000đ/tháng để cùng anh Ch nuôi con đến khi cháu Chuẩn đủ 18 tuổi.

Việc chị tự nguyện giao cả 02 người con có tên trên cho anh Ch tiếp tục nuôi dưỡng vì cuộc sống của các con và anh Ch đến nay ổn định về mọi mặt và hàng tháng chị vẫn cấp dưỡng nuôi con cùng anh Ch từ tháng 9/2024 đến nay cuộc sống của bố con anh Ch đã được ổn định đảm bảo tốt. Ngoài ra chị không muốn chia tách các con mà để các con sống cùng nhau tránh sự sáo trộn trong cuộc sống, học tập.

Về tài sản: Chị L xác định, chị và anh Ch không có. Chị không đề nghị Tòa giải quyết.

Về vay nợ: Chị L xác định, chị và anh Ch không vay nợ cơ quan, tổ chức, cá nhân khoản nào, không cho cơ quan, tổ chức, cá nhân vay nợ vợ chồng. Chị không đề nghị Tòa giải quyết.

Tại bản tự khai của anh Nông Văn Ch trình bày, có yêu cầu: Anh công nhận chị L trình bày về thời gian kết hôn, lý do mâu thuẫn vợ chồng, thời gian sống ly thân phần trên là đúng. Tuy nhiên, giữa anh và chị L đã trao đổi để sửa chữa nhưng chị L không đồng ý mà đã bỏ nhà đi, anh không biết chị L đi đâu, làm gì từ giữa năm 2024 đến nay đến nay không chung kinh tế của ai người đó tự quản lý, sử dụng và tự chấm dứt không quan hệ tình cảm vợ chồng và bỏ mặc không còn quan tâm đến nhau tính đến nay khoảng 08 tháng, anh đã tìm mọi biện pháp để hàn gắn tình cảm với chị L nhưng không có kết quả, đến nay không còn cách nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, anh có nguyện vọng đoàn tụ vợ chồng với chị L. Nay xét thấy vẫn còn tình cảm vợ chồng đối với chị L, mục đích đoàn tụ thì anh chưa tìm ra được cách gì để chị L đoàn tụ vợ chồng, xây dựng hạnh phúc với anh. Anh đề nghị giải quyết cho anh đ□ợc đoàn tụ vợ chồng với chị Lương Thị L. Nếu chị L cương quyết ly hôn thì anh đề nghị Tòa xem xét giải quyết theo quy định.

Về con: Anh công nhận chị L trình bày phần trên là đúng. Anh đề nghị giao cháu Nông Thành Luân, sinh ngày 29/9/2010; cháu Nông Tiêu Chuẩn, sinh ngày 13/3/2015 cho anh trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Anh yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi mỗi tháng 1.000.000đ/tháng/1cháu để cùng anh nuôi cháu Luân, cháu Chuẩn đến khi đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Anh và chị L không có tài sản chung. Anh không đề nghị Tòa giải quyết.

Về vay nợ: Anh và chị L không nợ cơ quan, tổ chức, cá nhân khoản nào, không cho ai vay nợ vợ chồng. Anh không đề nghị Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Lương Thị L và bị đơn anh Nông Văn Ch đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật.

* Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát huyện Văn Bàn có ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83, Điều107; Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 Điều; Điều 229 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Xử, chị Lương Thị L được ly hôn với anh Nông Văn Ch.

Về con chung: Giao cháu Nông Thành Luân, sinh ngày 29/9/2010; cháu Nông Tiêu Chuẩn, sinh ngày 13/3/2015 cho anh Nông Văn Ch trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Luân, cháu Chuẩn đủ 18 tuổi. Chị Lương Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu Luân, cháu Chuẩn mỗi cháu 1.000.000đ/tháng, tổng hai cháu là 1.000.000đ/tháng cùng anh Nông Văn Ch cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về án phí: Giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên; căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về Tố tụng: Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ kèm theo chị Lương Thị L yêu cầu "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn". Xét thấy, bị đơn anh Nông Văn Ch cư trú tại thôn Nậm Cằm, xã Nậm Dạng, huyện Văn Bàn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị L xác định, ngày 11/12/2009 chị và anh Nông Văn Ch tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nậm Dạng. Vợ chồng hạnh phúc được khoảng10 năm đến đầu năm 2019 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không còn tin tưởng tình cảm của nhau, mất niềm tin trong cuộc sống cả hai đều cho nhau nhiều cơ hội nhưng chị và anh Ch vẫn giữ nguyên phong cách sống, rồi điều qua tiếng lại, chửi mắng chị làm cho tình cảm vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng nhất vào tháng 9/2024, chị đã bỏ về nhà cha mẹ đẻ ở thôn Nậm Cằm, xã Nậm Dạng sống ly thân và đi làm thuê, bỏ mặc không quan tâm, kinh tế của người nào người đó tự quản lý, sử dụng tính đến nay khoảng 08 tháng, thiếu sự chăm lo, yêu thương, chăm sóc, tôn trọng giúp đỡ nhau, người nào biết bổn phận người đó, bỏ mặc nhau trong cuộc sống nên quan hệ

hôn nhân giữa chị L và anh Ch đã lâm vào tình trạng trầm trọng. Chị L yêu cầu đề nghị được ly hôn với anh Ch mà không được chấp nhận yêu cầu thì chị tiếp tục sống ly thân với anh Ch như hiện nay. Xét thấy, chị L thực sự không còn tình cảm vợ chồng với anh Ch, anh Ch biết không nứu kéo được tình cảm với chị L nên từ giai đoạn tiếp cận công khai chứng cứ và Hòa giải anh Ch không đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, có thái độ bỏ mặc hôn nhân, không có thiện trí trong việc hướng đến mục đích đoàn tụ vợ chồng, không giao nộp tài liệu, chứng cứ về tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi con để chứng minh cho yêu cầu đoàn tụ vợ chồng của mình là có căn cứ. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh Ch mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị L đề nghị được ly hôn với anh Nông Văn Ch.

Về con: Chị L và anh Ch đều đề nghị Tòa giải quyết giao cháu Nông Thành Luân, sinh ngày 29/9/2010; cháu Nông Tiêu Chuẩn, sinh ngày 13/3/2015 cho anh Ch tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, chị L cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Luân và cháu Chuẩn mỗi tháng 1.000.000đồng/cháu cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Xét thấy, anh Ch và chị L đều là lao động tự do tại địa phương có mức thu nhập hàng tháng khoảng từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, cháu Luân và cháu Chuẩn đã và đang do anh Ch chăm sóc, nuôi dưỡng, cuộc sống của hai cháu được đảm bảo có đủ điều kiện phát về mọi mặt nên cần xem xét chấp nhận. Do vậy để đảm bảo việc học tập và phát triển về thể chất lẫn tinh thần cho cháu Luân, cháu Chuẩn, cần chấp nhận đề nghị của chị L và anh Ch giao cháu Luân, cháu Chuẩn cho anh Ch và hàng tháng chị L thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con cùng anh Ch là phù hợp với qui định tại Điều 81,82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình và phù hợp với nguyện vọng của các cháu.

[4] Về tài sản chung, vay nợ: Các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Đối với chị Lương Thị L và anh Nông Văn Ch là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn Do vậy, miễn án phí hôn nhân gia đình và án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ chị L và anh Ch.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 57; Điều 81. Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ Điều 12 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử: Chị Lương Thị L đ□ợc ly hôn với anh Nông Văn Ch.

Quan hệ hôn nhân giữa chị Lương Thị L và anh Nông Văn Ch chấm dứt kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật

2.Về nuôi con khi ly hôn: Giao cháu Nông Thành Luân, sinh ngày 29/9/2010; cháu Nông Tiêu Chuẩn, sinh ngày 13/3/2015 cho anh Nông Văn Ch trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Luân, cháu Chuẩn đủ 18 tuổi.

Về thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Lương Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu Nông Thành Luân và cháu Nông Tiêu Chuẩn mỗi cháu/mỗi tháng 1.000.000đ/mỗi cháu/tháng. Tổng cộng là 2.000.000đ (hai triệu đồng) cùng anh Nông Văn Ch cho đến khi cháu Luân, cháu Chuẩn đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm non con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Miễn án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo định kỳ dân sự sơ thẩm cho chị Lương Thị L và anh Nông Văn Ch.

Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Lào Cai(1);
- VKSND huyện Văn Bàn(2);
- Nguyên đơn (01).
- Bị đơn (01).
- THA Dân sự huyện Văn Bàn(1);
- UBND xã Nậm Dạng (1).
- L-u HS vụ án (02),

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA TÒA

Đỗ Thị Lựa